

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
Học kỳ II, năm học 2019-2020 (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-ĐHAG, ngày 09/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang về việc ban hành "Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1459A/QĐ-ĐHAG ngày 29/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang về quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập trong đào tạo đại học, cao đẳng hình thức giáo dục chính quy từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, ban hành kèm theo;

Căn cứ Biên bản số 973/BB-ĐHAG ngày 28/9/2020 về việc họp Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2019-2020 (đợt 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2019-2020 cho 168 sinh viên thuộc các khoa: Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Nông nghiệp - Tài nguyên Thiên nhiên, Ngoại ngữ, Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường, Công nghệ thông tin, Luật & Khoa học Chính trị, Du lịch & Văn hóa - Nghệ thuật, Sư phạm (danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức học bổng theo Mục 3, Điều 2 của Quyết định số 1459A/QĐ-ĐHAG ngày 29/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Khảo thí – Đảm bảo chất lượng, Công tác Sinh viên, Kế hoạch – Tài vụ, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2019-2020 (ĐỢT 1)**

(Ban hành kèm theo quyết định số 1609 /QĐ-ĐHAG ngày 05 /10/2020)

HỆ ĐẠI HỌC KHOA KINH TẾ - QTKD												
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐHT	ĐRL	TCTL	XL	1 Tháng	5 Tháng	Ghi Chú	
1	DKQ161661	Nguyễn Thị Hồng Vân	06/01/1998	DH17KQ	4.00	100.00	15	XS	1,020,000	5,100,000		
2	DKO161655	Phạm Thị Huyền Trân	14/05/1998	DH17KQ	4.00	92.25	15	XS	1,020,000	5,100,000		
3	DKQ161637	Trần Thanh Huyền	24/04/1998	DH17KQ	3.80	96.00	15	XS	1,020,000	5,100,000		
4	DKQ161656	Đặng Thị Thùy Trinh	13/04/1998	DH17KQ	3.67	86.25	18	G	950,000	4,750,000		
5	DKO161643	Sứ Thị Quỳnh Nga	28/09/1997	DH17KQ	3.33	83.00	15	G	950,000	4,750,000		
6	DKT161746	Nguyễn Phú Quới	14/06/1997	DH17KT	4.00	84.25	15	G	950,000	4,750,000		
7	DKT161674	Trần Thị Phương Dung	11/2/1998	DH17KT	4.00	81.50	15	G	950,000	4,750,000		
8	DKT161748	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/5/1998	DH17KT	3.87	82.75	15	G	950,000	4,750,000		
9	DKT161679	Phùng Thị Diệp	7/6/1998	DH17KT	3.33	84.25	15	G	950,000	4,750,000		
10	DKT161745	Dương Hoàng Quốc	27/10/1998	DH17KT	3.33	80.00	15	G	950,000	4,750,000		
11	DKT161685	Hà Chí Hiếu	21/12/1997	DH17KT	4.00	78.75	15	K	880,000	4,400,000		
12	DKT161783	Nguyễn Thị Tường Vy	13/09/1998	DH17KT	4.00	75.25	15	K	880,000	4,400,000		
13	DKT161703	Lương Ngọc Lam Linh	9/9/1998	DH17KT	4.00	74.00	15	K	880,000	4,400,000		
14	DNH161837	Trần Hồng Ngọc	9/30/1998	DH17NH	4.00	82.25	15	G	950,000	4,750,000		
15	DNH161863	Phạm Thị Thanh Tâm	9/1/1998	DH17NH	4.00	82.25	15	G	950,000	4,750,000		
16	DNH161834	Lê Thị Mỹ Ngọc	11/28/1998	DH17NH	4.00	83.75	15	G	950,000	4,750,000		
17	DNH161829	Cổ Thị Thu Ngân	4/11/1998	DH17NH	3.33	79.75	15	K	880,000	4,400,000		
18	DNH161832	Trần Kim Ngân	11/9/1998	DH17NH	4.00	79.75	15	K	880,000	4,400,000		

19	DNH161836	Nguyễn Thị Bích Ngọc	17/01/1998	DH17NH	4.00	76.25	15	K	880,000	4,400,000	
20	DNH161873	Phan Ngọc Huy Thông	6/27/1993	DH17NH	4.00	74.50	15	K	880,000	4,400,000	
21	DOT161896	Phạm Thị Tuyết Ái	10/6/1998	DH17QT	4.00	98.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	
22	DOT161970	Trần Thị Mỹ Phụng	13/10/1998	DH17QT	4.00	97.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	
23	DOT162015	Nguyễn Diễm Yến	23/3/1998	DH17QT	4.00	91.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	
24	DQT161936	Trần Duy Khánh	16/8/1998	DH17QT	4.00	89.25	15	G	950,000	4,750,000	
25	DOT162002	Trần Hữu Trí	27/5/1998	DH17QT	3.80	89.00	15	G	950,000	4,750,000	
26	DQT161978	Thái Thu Thảo	19/2/1998	DH17QT	3.87	87.25	15	G	950,000	4,750,000	
27	DQT161990	Nguyễn Thị Minh Thư	28/8/1998	DH17QT	4.00	82.25	15	G	950,000	4,750,000	
28	DOT161979	Trần Thị Thu Thảo	7/6/1998	DH17QT	3.67	80.75	15	G	950,000	4,750,000	
29	DTC162029	Lý Gia Hân	27/01/1998	DH17TC	4.00	80.50	15	G	950,000	4,750,000	
30	DTC162034	Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	10/15/1998	DH17TC	4.00	70.50	15	K	880,000	4,400,000	
31	DTC162018	Võ Hoàng Bửu	4/8/1998	DH17TC	4.00	71.75	15	K	880,000	4,400,000	
32	DTC162112	Phan Thị Xinh	1/26/1998	DH17TC	3.33	68.50	15	K	880,000	4,400,000	
Thực chi:										150,600,000	

HỆ ĐẠI HỌC KHOA NÔNG NGHIỆP - TNTN

1	DTT163837	Đặng Phước Nghiệp	03/12/1998	DH17TT	4.00	87.00	13	G	950,000	4,750,000	
2	DTT163810	Đặng Hữu Ân	06/09/1996	DH17TT	4.00	81.00	13	G	950,000	4,750,000	
3	DTT163842	Huyền Văn Nhi	09/08/1997	DH17TT	4.00	76.25	13	K	880,000	4,400,000	
4	DTT163818	Nguyễn Hải Đăng	19/08/1996	DH17TT	4.00	78.00	13	K	880,000	4,400,000	
5	DBT163909	Nguyễn Khanh Em	10/07/1996	DH17BT	4.00	100.00	12	XS	1,020,000	5,100,000	
6	DBT163366	Phan Quý Qúa	09/04/1998	DH17BT	4.00	100.00	12	XS	1,020,000	5,100,000	
7	DBT163334	Lê Trung Hòa	16/11/1998	DH17BT	3.85	96.50	13	XS	1,020,000	5,100,000	
8	DBT163415	Neáng Na Lin	01/01/1998	DH17BT	3.85	91.00	13	XS	1,020,000	5,100,000	
9	DBT163391	Nguyễn Thị Kim Anh	15/03/1998	DH17BT	3.62	92.00	13	XS	1,020,000	5,100,000	
10	DPN163588	Phí Thị Hồng Thắm	19/07/1998	DH17PN	4.00	93.50	15	XS	1,020,000	5,100,000	
11	DPN163568	Trần Thị Huỳnh Mai	20/06/1998	DH17PN	4.00	92.75	15	XS	1,020,000	5,100,000	
12	DPN163559	Phạm Thị Thu Hương	26/03/1998	DH17PN	4.00	92.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	

13	DCN163519	Néang Chanh Thi	04/03/1998	DH17CN	4.00	98.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
14	DCN163491	Đặng Minh Luân	13/10/1998	DH17CN	4.00	97.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
15	DCN163492	Văng Khánh Ly	28/01/1998	DH17CN	4.00	96.75	15	XS	1,020,000	5,100,000
16	DCN163505	Đinh Thị Thanh Nhàn	15/08/1998	DH17CN	4.00	92.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
17	DCN163509	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	06/11/1998	DH17CN	4.00	90.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
18	DSH163645	Nguyễn Thành Thọ	16/10/1998	DH17SH	4.00	97.00	14	XS	1,020,000	5,100,000
19	DSH163634	Phạm Thị Huỳnh Như	03/03/1998	DH17SH	4.00	94.75	14	XS	1,020,000	5,100,000
20	DSH163651	Lương Mỹ Tiên	25/08/1998	DH17SH	4.00	89.25	14	G	950,000	4,750,000
21	DTS163775	Trần Thị Hoa Hồng	22/8/1998	DH17TS	4.00	90.50	12	XS	1,020,000	5,100,000
22	DTS163794	Bùi Thanh Tâm	17/3/1998	DH17TS	4.00	89.75	12	G	950,000	4,750,000
									Thực chi:	109,400,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG

1	DMT166102	Bùi Nguyễn Huyền Linh	16/11/1998	DH17MT	4.00	97.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
2	DQM166235	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	30/06/1998	DH17QM	4.00	99.75	15	XS	1,020,000	5,100,000
3	DQM166252	Nguyễn Đức Thắng	03/06/1998	DH17QM	4.00	98.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
4	DQM166257	Lê Thị Cẩm Tiên	10/05/1998	DH17QM	4.00	99.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
									Thực chi:	20,400,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA NGOẠI NGỮ

1	DAV167062	Lê Ngọc Linh	25/07/1998	DH17AV	4.00	98.00	12	XS	1,020,000	5,100,000
2	DAV167045	Phạm Thị Kim Anh	31/01/1998	DH17AV	3.73	93.00	12	XS	1,020,000	5,100,000
3	DAV167079	Phan Trung Tín	25/02/1998	DH17AV	3.67	90.50	12	XS	1,020,000	5,100,000
4	DTA167113	Trần Công Minh	03/10/1998	DH17TA	3.83	94.00	12	XS	1,020,000	5,100,000
5	DTA167131	Trần Đỗ Diễm Quỳnh	10/06/1998	DH17TA	3.33	83.75	12	G	950,000	4,750,000
									Thực chi:	25,150,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA KHOA DU LỊCH VÀ VH-NT

1	DVN167645	Nguyễn Ngọc Thiên Trang	02/12/1998	DH17VN	3.87	79.00	15	K	880,000	4,400,000
2	DVN167630	Trần Thị Tố Nương	25/02/1998	DH17VN	3.87	76.75	15	K	880,000	4,400,000
3	DVN167652	Nguyễn Ngọc Tú	30/12/1998	DH17VN	3.53	72.25	15	K	880,000	4,400,000

((*))
 GIAI
 HỌC
 SỬN
 HAA

4	DVNI167673	Lê Thị Bảo Ngọc	05/03/1998	DH17VN	3.40	78.75	15	K	880,000	4,400,000
5	DVNI167680	Võ Đài Trang	16/06/1998	DH17VN	3.40	88.25	15	G	950,000	4,750,000
6	DVNI167595	Lê Thị Ngọc Chân	27/11/1998	DH17VN	3.40	71.00	15	K	880,000	4,400,000
7	DVNI167603	Lê Văn Gióng	21/11/1998	DH17VN	3.40	75.25	15	K	880,000	4,400,000
Thực chi:										31,150,000

HỆ CAO ĐẲNG KHOA KHOA DU LỊCH VÀ VH-NT

1	CANI176508	Võ Thị Diễm My	08/06/1999	CD42AN	3.88	82.25	16	G	950,000	4,750,000
2	CANI176511	Võ Anh Tài	14/05/1999	CD42AN	3.75	82.00	19	G	950,000	4,750,000
3	CANI176512	Hồ Quang Kỳ Thái	08/06/1999	CD42AN	3.75	68.50	16	K	880,000	4,400,000
4	CANI176507	Lục Trần Trà My	14/05/1999	CD42AN	3.63	72.25	16	K	880,000	4,400,000
5	CSM176688	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/09/1999	CD42SM	3.64	66.25	14	K	880,000	4,400,000
Thực chi:										22,700,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA LUẬT & KHOA HỌC CHÍNH TRỊ

1	DCT164501	Trần Kim Anh	14/09/1998	DH17CT	3.87	86.75	15	G	950,000	4,750,000
2	DCT164504	Nguyễn Thành Công	03/09/1997	DH17CT	3.47	80.00	15	G	950,000	4,750,000
3	DCT164508	Nguyễn Thị Anh Đào	11/04/1998	DH17CT	4.00	94.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
4	DCT164513	Nguyễn Ngọc Hưng	25/03/1997	DH17CT	3.67	76.00	15	K	880,000	4,400,000
5	DCT164517	Nguyễn Thị Trúc Linh	24/08/1998	DH17CT	3.67	81.00	15	G	950,000	4,750,000
6	DCT164521	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/09/1998	DH17CT	3.80	78.00	15	K	880,000	4,400,000
7	DCT164524	Nguyễn Minh Nhật	20/09/1998	DH17CT	3.80	78.75	15	K	880,000	4,400,000
8	DCT164539	Đoàn Thị Ngọc Thời	18/07/1998	DH17CT	4.00	92.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
9	DCT164540	Trần Huỳnh Minh Thu	20/10/1998	DH17CT	3.73	83.00	15	G	950,000	4,750,000
10	DCT164547	Nguyễn Thị Xuân	14/01/1998	DH17CT	3.80	78.00	15	K	880,000	4,400,000
11	DCT164548	Trình Nguyễn Mai Như Ý	26/09/1998	DH17CT	3.87	90.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
12	DCT164681	Nguyễn Thị Thu Trang	07/09/1998	DH17CT	3.87	78.00	15	K	880,000	4,400,000
13	DLU164601	Đình Thị Thanh Ngân	29/04/1998	DH17LU	2.88	91.00	16	K	880,000	4,400,000
14	DLU164576	Lê Thị Mỹ Huyền	02/5/1998	DH17LU	3.25	86.00	16	G	950,000	4,750,000
15	DLU164682	Phan Hoài Anh	20/04/1998	DH17LU	3.00	69.25	16	K	880,000	4,400,000

16	DLU164701	Nguyễn Quang Tường	12/11/1998	DH17LU	3.00	68.00	16	K	880,000	4,400,000
17	DLU164568	Lê Hoàng Thị Bảo Hân	06/02/1997	DH17LU	2.88	76.00	16	K	880,000	4,400,000
18	DLU164586	Võ Thị Ngọc Lan	04/01/1998	DH17LU	3.63	83.00	16	G	950,000	4,750,000
19	DLU164550	Đặng Huỳnh Anh	31/8/1998	DH17LU	3.63	80.00	16	G	950,000	4,750,000
20	DLU164650	Nguyễn Trọng Trí	01/08/1997	DH17LU	3.25	73.25	16	K	880,000	4,400,000
21	DLU164575	Võ Thị Thúy Huệ	17/4/1998	DH17LU	3.00	70.50	16	K	880,000	4,400,000
22	DLU164669	Châu Thị Như Ý	27/5/1998	DH17LU	3.25	84.00	16	G	950,000	4,750,000
23	DLU164654	Phạm Thị Thanh Trúc	07/6/1998	DH17LU	3.75	78.50	16	K	880,000	4,400,000
24	DLU164657	Lâm Thị Cẩm Tú	14/9/1998	DH17LU	2.88	70.25	16	K	880,000	4,400,000
25	DLU164667	Lê Thị Thanh Xuân	17/7/1998	DH17LU	3.00	76.25	16	K	880,000	4,400,000
26	DLU164549	Trần Thị Thúy An	18/8/1998	DH17LU	3.88	81.00	16	G	950,000	4,750,000
27	DLU164596	Nguyễn Thị Muội	28/5/1998	DH17LU	3.44	72.25	18	K	880,000	4,400,000
28	DLU164590	Lê Thị Mỹ Linh	09/09/1998	DH17LU	2.88	71.25	16	K	880,000	4,400,000
29	DLU164652	Nguyễn Thị Diễm Trinh	01/3/1997	DH17LU	3.63	72.50	16	K	880,000	4,400,000
30	DLU164635	Nguyễn Thị Cẩm Thi	03/08/1997	DH17LU	3.13	76.25	16	K	880,000	4,400,000
31	DLU164698	Nguyễn Thị Mỹ Thơ	29/6/1998	DH17LU	3.50	68.00	16	K	880,000	4,400,000
32	DLU164603	Ngô Thị Ngọc	13/2/1998	DH17LU	3.13	68.00	16	K	880,000	4,400,000
33	DLU164563	Huỳnh Thị Trúc Quỳnh	21/06/1997	DH17LU	3.38	87.00	16	G	950,000	4,750,000
34	DLU164552	Phạm Tuyết Anh	24/06/1998	DH17LU	2.88	70.00	16	K	880,000	4,400,000
35	DLU164591	Ngô Thị Bích Loan	19/4/1998	DH17LU	3.63	90.50	16	XS	1,020,000	5,100,000
36	DLU164570	Trần Thị Ngọc Hân	08/10/1998	DH17LU	2.88	75.00	16	K	880,000	4,400,000
Thực chi: 164,700,000										

HỆ ĐẠI HỌC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1	DPM166131	Trần Hữu Đăng	31/08/1998	DH17PM	4.00	94.50	15	XS	1,020,000	5,100,000
2	DPM166129	Nguyễn Tiểu Cường	11/04/1998	DH17PM	4.00	87.50	15	G	950,000	4,750,000
3	DPM166174	Võ Lê Minh Tâm	01/10/1996	DH17PM	4.00	80.75	15	G	950,000	4,750,000
4	DPM166140	Trần Hoài Hiếu	16/08/1998	DH17PM	3.53	83.00	15	G	950,000	4,750,000
5	DPM166153	Thạch Vũ Linh	20/11/1996	DH17PM	4.00	69.00	15	K	880,000	4,400,000

6	DPM166154	Châu Minh Luân	12/01/1998	DH17PM	4.00	65.75	15	K	880,000	4,400,000	
7	DPM166134	Ngô Triệu Đông	29/01/1998	DH17PM	3.73	66.25	15	K	880,000	4,400,000	
8	DPM166169	Vương Hoàng Phước	18/07/1998	DH17PM	3.53	72.00	15	K	880,000	4,400,000	
9	DPM166168	Huyền Hữu Phước	25/12/1998	DH17PM	3.28	78.25	18	K	880,000	4,400,000	
10	DPM166157	Huyền Như Mẫn	16/04/1998	DH17PM	3.13	79.75	15	K	880,000	4,400,000	
11	DPM166393	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	16/01/1995	DH17PM	3.00	92.50	15	K	880,000	4,400,000	
12	DPM166175	Huyền Phước Thái	02/09/1998	DH17PM	3.00	68.50	15	K	880,000	4,400,000	
13	DTH166307	Ngô Chí Linh	15/06/1998	DH17TH	4.00	98.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	
14	DTH166354	Trần Quỳnh Anh Thư	28/08/1998	DH17TH	4.00	92.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	
15	DTH166364	Lê Minh Trung	21/11/1998	DH17TH	4.00	90.75	15	XS	1,020,000	5,100,000	
16	DTH166360	Phan Huyền Trang	13/09/1998	DH17TH	3.67	93.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	
17	DTH166348	Hàng Phước Thành	20/05/1994	DH17TH	3.67	92.00	15	XS	1,020,000	5,100,000	
18	DTH166334	Võ Thanh Quý	19/10/1998	DH17TH	4.00	87.00	15	G	950,000	4,750,000	
19	DTH166277	Nguyễn Thị Ngọc Bích	09/02/1998	DH17TH	4.00	87.00	15	G	950,000	4,750,000	
20	DTH166294	Lê Trần Trung Hải	04/05/1998	DH17TH	4.00	80.00	15	G	950,000	4,750,000	
21	DTH166291	Trần Thanh Tùng Em	09/01/1998	DH17TH	3.67	85.50	15	G	950,000	4,750,000	
22	DTH166292	Nguyễn Thị Ngọc Hà	19/11/1998	DH17TH	3.67	84.00	15	G	950,000	4,750,000	
23	DTH166344	Nguyễn Hồng Thái	24/03/1998	DH17TH	3.53	88.00	15	G	950,000	4,750,000	
24	DTH166302	Dương Quốc Khang	05/03/1998	DH17TH	3.33	83.00	15	G	950,000	4,750,000	
25	DTH166333	Nguyễn Ai Quốc	14/09/1998	DH17TH	4.00	80.50	15	G	950,000	4,750,000	
26	DTH166343	Ngô Trần Hoàng Tất	23/03/1998	DH17TH	3.20	83.50	15	G	950,000	4,750,000	
27	DTH166362	Trần Minh Trí	29/07/1998	DH17TH	4.00	72.75	15	K	880,000	4,400,000	
28	DTH166319	Nguyễn Võ Hoài Nam	23/06/1998	DH17TH	4.00	68.75	15	K	880,000	4,400,000	
29	DTH166352	Trần Đình Phương Thảo	22/12/1998	DH17TH	3.87	67.50	15	K	880,000	4,400,000	
30	DTH166368	Nguyễn Sơn Tùng	07/07/1998	DH17TH	3.87	78.50	15	K	880,000	4,400,000	
31	DTH166270	Huyền Phúc Lâm Trường Anh	27/10/1998	DH17TH	3.67	78.00	15	K	880,000	4,400,000	
32	DTH166351	Phan Thanh Thảo	13/03/1998	DH17TH	3.67	72.25	15	K	880,000	4,400,000	
Thực chi:										149,200,000	

HỆ ĐẠI HỌC KHOA SƯ PHẠM

1	DDL160755	Huỳnh Tấn Lộc	11/05/1998	DH17DL	4.00	90.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
2	DDL160219	Ngô Tiến Tới	17/02/1996	DH17DL	4.00	83.75	15	G	950,000	4,750,000
3	DGT160283	Nguyễn Huỳnh Phương Trinh	18/12/1998	DH17GT1	4.00	98.75	15	XS	1,020,000	5,100,000
4	DGT160225	Nguyễn Thị Ngọc An	27/4/1998	DH17GT1	4.00	95.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
5	DGT160252	Trần Ngọc Thơ My	16/6/1998	DH17GT1	4.00	94.25	15	XS	1,020,000	5,100,000
6	DGT160333	Hồ Thị Kim Phụng	10/10/1997	DH17GT2	4.00	97.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
7	DGT160357	Nguyễn Thị Thảo Vy	02/09/1997	DH17GT2	4.00	93.25	16	XS	1,020,000	5,100,000
8	DGT160337	Nguyễn Huỳnh Lan Thanh	05/03/1998	DH17GT2	3.88	93.75	16	XS	1,020,000	5,100,000
9	DHH160382	Từ Quốc Thắng	10/08/1998	DH17HH	4.00	98.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
10	DLY160403	Trương Kim Phụng	30/04/1998	DH17LY	4.00	91.50	15	XS	1,020,000	5,100,000
11	DNV160607	Lê Đăng Khoa	27/10/1998	DH17NV	4.00	98.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
12	DNV160627	Nguyễn Minh Nhật	16/02/1998	DH17NV	4.00	95.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
13	DSU160666	Nguyễn Thị Thùy	03/04/1998	DH17SU	4.00	91.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
14	DTO160687	Lê Thị Lam Linh	16/05/1998	DH17TO	4.00	87.00	15	G	950,000	4,750,000
15	DTO160689	Tô Thị Châu Loan	06/05/1997	DH17TO	4.00	86.75	15	G	950,000	4,750,000
									Thực chi:	75,450,000

HỆ CAO ĐẲNG KHOA SƯ PHẠM

1	CGT170006	Huỳnh Thái Bình	14/08/1999	CD42GT	4.00	92.50	13	XS	1,020,000	5,100,000
2	CGT170096	Phạm Thị Cẩm Vân	29/08/1999	CD42GT	3.77	97.50	13	XS	1,020,000	5,100,000
3	CGT170080	Trần Thị Anh Thư	04/06/1999	CD42GT	3.85	89.25	13	G	950,000	4,750,000
4	CGT170079	Phạm Thị Anh Thư	25/05/1999	CD42GT	3.85	86.25	13	G	950,000	4,750,000
5	CMN170162	Nguyễn Thị Thúy Quyên	21/11/1999	CD42MN	4.00	96.00	15	XS	1,020,000	5,100,000
6	CMN170165	Lê Nguyễn Anh Thư	15/07/1999	CD42MN	4.00	90.75	15	XS	1,020,000	5,100,000
7	CMN170167	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	16/04/1999	CD42MN	4.00	86.75	15	G	950,000	4,750,000
8	CMN170123	Nguyễn Thị Diệu Hiền	31/08/1999	CD42MN	4.00	86.25	15	G	950,000	4,750,000
9	CMN170168	Trần Thị Thanh Trâm	18/01/1999	CD42MN	4.00	85.25	15	G	950,000	4,750,000
10	CTD170191	Trần Minh Trí	19/08/1999	CD42TD	3.47	81.50	15	G	950,000	4,750,000



TỔNG CỘNG: C6 168 SV nhận học bổng HK II, năm học 2019 - 2020.

KHÁ: 57
GIỚI: 55
XUẤT SẮC: 56
TỔNG: 168

Thực chi: 48,900,000

Tổng chi loại khá:	250,800,000
Tổng chi loại giỏi:	261,250,000
Tổng chi loại XS:	285,600,000
Tổng chi:	797,650,000
Tổng quỹ HB của toàn Trường/học kỳ:	3,159,000,400
Còn lại:	2,361,350,400

HIỆU TRƯỞNG
[Signature]
TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG
Võ Văn Thắng